

**Công ty TNHH Một thành viên –
Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thông tin về Công ty**

Quyết định thành lập số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012
Quyết định thành lập do Bộ Công thương cấp

**Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh số** 3502208399 ngày 30 tháng 10 năm 2013
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp

Chủ tịch Ông Nguyễn Văn Lê

Ban Tổng Giám đốc	Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
	Ông Trương Quốc Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ,
Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

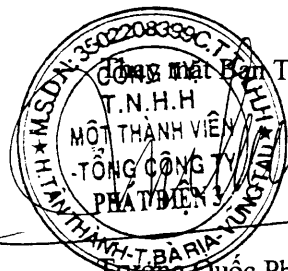
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 54 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.



Trưởng Ban Tổng Giám đốc,

Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 10 tháng 4 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 4 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 54.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới thuyết minh 4(b)(ii) trong báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) về chênh lệch tỷ giá. Thông tư 179 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, ngoại trừ việc cho phép Tổng Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước, trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Quy định này tại Thông tư 179 có sự khác biệt so với VAS 10 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày tại thuyết minh 4(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra chúng tôi cũng lưu ý đến thuyết minh 4(b)(ii) các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong vốn chủ sở hữu thay vì chi phí tài chính theo Công văn số 3003/BTC/TCDN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2015 và Công văn số 2239/VPCP-KTTH của Văn phòng Chính phủ ngày 4 tháng 4 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với VAS 10 và Thông tư 200. Ảnh hưởng của việc áp dụng các công văn này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày tại thuyết minh 4(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này trong báo cáo kiểm toán ngày 8 tháng 4 năm 2015 kèm theo đoạn nhấn mạnh liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 54. Thông tin bổ sung tại trang 55 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính hợp nhất và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Số báo cáo kiểm toán số: 16-02-070/HN

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2016

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		13.913.070.505.680	11.097.049.811.522
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.157.335.414.262	2.260.941.508.757
Tiền	111		572.335.414.262	2.025.941.508.757
Các khoản tương đương tiền	112		585.000.000.000	235.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		854.000.000.000	1.059.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	854.000.000.000	1.059.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		9.200.842.851.741	5.541.183.446.730
Phải thu của khách hàng	131	7	4.630.809.534.863	2.618.781.142.072
Trả trước cho người bán	132		210.026.415.254	2.780.985.365.543
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.360.561.174.226	141.416.939.115
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(554.272.602)	-
Hàng tồn kho	140	9	2.535.464.768.945	1.726.204.075.054
Hàng tồn kho	141		2.546.749.324.620	1.742.871.275.672
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.284.555.675)	(16.667.200.618)
Tài sản ngắn hạn khác	150		165.427.470.732	509.720.780.981
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.482.074.509	1.718.738.971
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		85.550.771.327	502.122.174.451
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(b)	68.394.624.896	5.879.867.559

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		70.741.610.798.612	72.070.862.771.867
Phải thu dài hạn	210		12.000.000	12.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		12.000.000	12.000.000
Tài sản cố định	220		66.335.137.707.338	13.336.820.124.775
Tài sản cố định hữu hình	221	10	66.265.364.261.625	13.274.065.308.969
<i>Nguyên giá</i>	222		107.882.690.423.454	49.837.446.325.705
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(41.617.326.161.829)	(36.563.381.016.736)
Tài sản cố định vô hình	227	11	69.773.445.713	62.754.815.806
<i>Nguyên giá</i>	228		83.105.837.897	73.975.803.528
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(13.332.392.184)	(11.220.987.722)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.633.932.162.096	56.899.257.645.196
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.633.932.162.096	56.899.257.645.196
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	1.732.276.756.152	1.773.812.144.133
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.267.507.183.792	1.267.877.627.539
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		518.884.589.388	517.814.589.388
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(54.115.017.028)	(11.880.072.794)
Tài sản dài hạn khác	260		40.252.173.026	60.960.857.763
Chi phí trả trước dài hạn	261		29.436.259.026	60.960.857.763
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		9.987.734.000	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		828.180.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		84.654.681.304.292	83.167.912.583.389

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		75.974.335.415.860	72.146.126.968.192
Nợ ngắn hạn	310		10.577.281.032.708	16.954.186.203.875
Phải trả người bán	311	13	5.831.933.258.093	8.029.638.826.831
Người mua trả tiền trước	312		240.000	228.979.723
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(a)	164.326.381.907	191.574.788.057
Phải trả người lao động	314		217.374.292.315	193.922.387.301
Chi phí phải trả	315		67.690.531.208	50.418.897.483
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.936.492.876	-
Phải trả khác	319	15	722.675.300.321	1.029.099.484.625
Vay ngắn hạn	320	16(a)	3.339.374.074.111	7.363.417.058.508
Dự phòng ngắn hạn	321		49.938.670.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		168.031.791.877	95.885.781.347
Nợ dài hạn	330		65.397.054.383.152	55.191.940.764.317
Doanh thu chưa thực hiện	336		424.430.009.826	4.013.503.909
Vay dài hạn	338	16(b)	64.972.624.373.326	55.187.927.260.408
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		8.680.345.888.432	11.021.785.615.197
Vốn chủ sở hữu	410	17	8.680.345.888.432	11.021.785.615.197
Vốn góp	411	18	10.561.460.840.439	10.487.655.874.046
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.014.917.945	6.014.917.945
Vốn khác của chủ sở hữu	414		14.151.282.502	11.931.846.660
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(3.316.477.195.659)	(810.942.597.255)
Quỹ đầu tư phát triển	418		152.791.883.743	84.279.949.403
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.926.238.964	11.122.267.549
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		793.111.874.096	795.725.549.905
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		691.398.489.473	663.886.729.413
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		101.713.384.623	131.838.820.492
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		114.585.369.933	110.593.427.602
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		338.780.676.469	325.404.379.342
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		84.654.681.304.292	83.167.912.583.389

Ngày 10 tháng 4 năm 2016

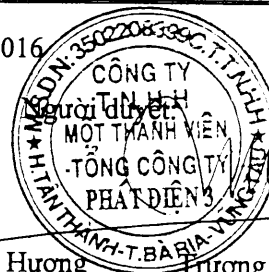
Người lập:



Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng



Trương Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	28.167.208.487.169	26.647.399.249.865
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	69.300.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	28.167.139.187.169	26.647.399.249.865
Giá vốn hàng bán	11	22	25.588.283.270.161	24.540.747.492.765
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.578.855.917.008	2.106.651.757.100
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	196.602.668.531	937.974.739.470
Chi phí tài chính	22	24	2.376.639.077.119	2.419.787.866.831
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.724.951.889.487</i>	<i>1.167.029.199.623</i>
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24	6(b)	131.529.253.128	197.976.188.196
Chi phí bán hàng	25		757.491.326	608.952.566
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	265.669.647.096	233.167.201.120
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		263.921.623.126	589.038.664.249
Thu nhập khác	31		20.298.598.213	53.393.558.698
Chi phí khác	32		37.582.149.549	38.613.219.808
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(17.283.551.336)	14.780.338.890
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		246.638.071.790	603.819.003.139
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	53.065.487.065	84.550.258.174
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	(9.987.734.000)	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		203.560.318.725	519.268.744.965

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

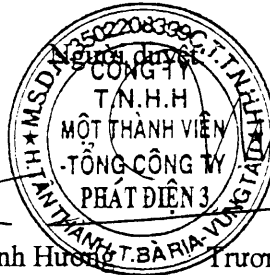
	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		203.560.318.725	519.268.744.965
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		161.830.334.135	471.589.714.475
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		41.729.984.590	47.679.030.490


Ngày 10 tháng 4 năm 2016


Người lập:



Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu




 Nguyễn Thị Thanh Huệ
 Kế toán trưởng


 Trương Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2015	2014
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		246.638.071.790	603.819.003.139
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.298.014.403.705	3.359.851.417.139
Các khoản dự phòng	03		87.146.331.455	8.248.627.873
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		452.235.680.518	425.455.760.861
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(105.676.725.930)	(67.496.288.187)
Lãi được chia từ công ty liên kết	05		(131.529.253.128)	(197.976.188.196)
Chi phí lãi vay	06		1.724.951.889.487	1.167.029.199.623
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.571.780.397.897	5.298.931.532.252
Biến động các khoản phải thu	09		(6.285.278.282.894)	(4.323.422.375.665)
Biến động hàng tồn kho	10		(714.052.157.836)	(177.255.072.470)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.753.721.937.893	11.060.987.705.522
Biến động chi phí trả trước	12		21.994.258.926	(65.994.431.288)
			1.348.166.153.986	11.793.247.358.351
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.593.176.420.064)	(1.821.761.611.770)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(108.027.323.189)	(83.518.534.030)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		184.191.047	2.761.531.015
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(60.149.446.904)	(59.870.999.406)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(413.002.845.124)	9.830.857.744.160
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.162.421.728.521)	(28.076.661.864.467)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.379.154.353	1.907.277.109
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(654.000.000.000)	(743.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		859.000.000.000	781.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(50.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		313.703.329.449	193.685.065.789
Chuyển và nhận các đơn vị với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (tiền thuần)			62.757.784.530	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(3.579.581.460.189)	(27.893.069.521.569)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2015	2014
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		16.256.671.919.189	21.307.992.224.140
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.345.843.812.203)	(3.554.183.156.068)
Tiền trả cổ tức	36		(21.849.896.168)	(64.769.414.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		2.888.978.210.818	17.689.039.653.122
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)			(1.103.606.094.495)	(373.172.124.287)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.260.941.508.757	2.634.103.029.413
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		-	10.603.631
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	1.157.335.414.262	2.260.941.508.757

Ngày 10 tháng 4 năm 2016

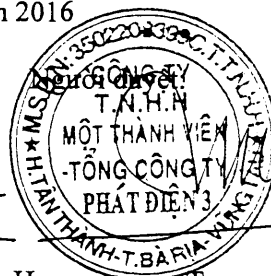
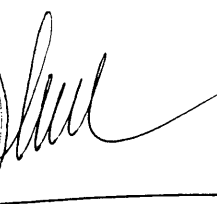
Người lập:



Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng

Trương Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) được thành lập theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01 tháng 06 năm 2012 của Bộ Công thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty – Công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, một số Công ty phát điện, một số Ban quản lý (“BQL”) dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số Công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 3 công ty con (1/1/2015: 2 công ty con).

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân; Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình;
- Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ;
- Văn phòng Tổng Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		31/12/2015	1/1/2015
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Sản xuất điện, sản xuất sản phẩm hóa chất, sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện và các dịch vụ khác có liên quan.	54,76%	54,76%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Sản xuất kinh doanh điện năng, quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và các sản phẩm dịch vụ có liên quan khác.	79,56%	79,56%
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức (*)	Sản xuất điện, sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí, sửa chữa và kinh doanh thiết bị điện và các dịch vụ có liên quan khác	100%	-

- (*) Theo quyết định số 223/QĐ-EVN ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức được chuyển giao từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3. Theo công văn 846/EVN-TCKT-QLV ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, vốn, tài sản và công nợ của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức sẽ được bàn giao từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3, đồng thời thực hiện tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 theo giá trị sổ sách tại ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty có 3.147 nhân viên (1/1/2015: 2.690 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Nhóm Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Nhóm Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất sau đây.

- Lợi ích cổ đông không kiểm soát (thuyết minh 4(a)(ii)); và
- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 4(b)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, khoản lỗ vượt trội cũng như các khoản lỗ bổ sung được tính giảm vào phần lợi ích của cổ đông công ty mẹ trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào phần lợi ích của cổ đông kiểm soát cho tới khi phần lỗ trước đây do các cổ đông công ty mẹ gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 202, các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của công đồng không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Nhóm Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc năm kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Nhóm Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm kế toán.

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Nhóm Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bằng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CĐKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”) và Công văn số 4962/EVN-TCKT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính năm 2015 (“Công văn 4962”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, ngoại trừ việc cho phép Tổng Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước, trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 sẽ giảm 810.942.597.255 VND và số lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện ghi trong “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 sẽ giảm tương ứng 810.942.597.255 VND.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Điều 69 Thông tư 200 quy định tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Khoản chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia gắn với nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh, quốc phòng được tập hợp và phản ánh trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” và được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Tuy nhiên, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Công ty ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu, thay vì chi phí tài chính, theo Công văn 3003/BTC-TCĐN ngày 8 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2015 (“Công văn 3003”) và Công văn số 2239/VPCP-KTTH của Văn phòng Chính phủ ngày 4 tháng 4 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 2239”). Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 2.505.534.598.404 VND và khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện ghi trong “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 2.505.534.598.404 VND.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179, Công văn 3003 và Công văn 2239 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt so với việc áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 và Thông tư 200 sẽ cung cấp đầy đủ các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất.

Đối với Ban quản lý xây dựng các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì chênh lệch tỷ giá trong quá trình đầu tư được phản ánh lũy kế và sẽ được phân bổ vào chi phí hoặc thu nhập không quá 5 năm kể từ khi công trình đi vào hoạt động theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(n) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển của Tổng Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP (“Nghị định 82”) ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ ban hành về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là các bên liên quan.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	1.514.133.390	1.015.512.474
Tiền gửi ngân hàng	570.821.280.872	2.024.925.996.283
Các khoản tương đương tiền	585.000.000.000	235.000.000.000
	1.157.335.414.262	2.260.941.508.757

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND (Phân loại lại)
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan	360.000.000.000	510.000.000.000
Các bên thứ ba	494.000.000.000	549.000.000.000
	854.000.000.000	1.059.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với bên liên quan có lãi suất được hưởng là 5,1%/năm (1/1/2015: 5%/năm).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	31/12/2015		1/1/2015					
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vào công ty liên kết									
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Tỉnh Bình Định	(i) 30,6%	30,6%	859.239.711.994	-	30,55%	30,55%	844.393.180.090	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Tỉnh Yên Bái	(ii) 30,0%	30,0%	264.761.917.314	-	30,0%	30,0%	287.324.659.967	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sơn 3A	Tỉnh Gia Lai	(iii) 30,0%	30,0%	143.505.554.484	-	30,0%	30,0%	136.159.787.482	-
				1.267.507.183.792				1.267.877.627.539	
Đầu tư vào đơn vị khác									
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh Thành phố	1,8%	1,8%	114.770.927.800	(54.115.017.028)	1,8%	1,8%	114.770.927.800	(11.880.072.794)
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	1,6%	1,6%	108.730.000.000	-	1,6%	1,6%	108.730.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn	Tỉnh Đắk Lắk	19,89%	19,89%	83.750.000.000	-	19,89%	19,89%	83.750.000.000	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng Alstom	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	15,0%	15,0%	74.463.661.588	-	15,0%	15,0%	74.463.661.588	-
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Tỉnh Đồng Nai	2,5%	-	64.000.000.000	-	2,5%	-	64.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Thành phố Đà Nẵng	12,1%	12,1%	50.000.000.000	-	12,1%	12,1%	50.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Thành phố Hà Nội	0,65%	-	19.600.000.000	-	0,65%	-	19.600.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt Điện Miền Bắc	Tỉnh Hải Dương	2,7%	2,7%	2.500.000.000	-	2,7%	2,7%	2.500.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Tỉnh Hải Dương	0,03%	0,03%	1.070.000.000	-	-	-	-	-
				518.884.589.388	(54.115.017.028)			517.814.589.388	(11.880.072.794)

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 05 năm 2005. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 03 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tổng tài sản	7.072.443.428.008	5.817.142.980.563
Tổng công nợ	2.978.658.030.860	1.484.514.676.999
Tài sản thuần	4.093.785.397.148	4.332.628.303.564
Phần tài sản thuần trong các công ty liên kết	1.267.507.183.792	1.267.877.627.539
	2015 VND	2014 VND
Doanh thu	982.070.872.068	1.239.231.867.756
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	433.398.410.507	653.274.709.560
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	131.529.253.128	197.976.188.196

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	11.880.072.794	12.609.819.429
Tăng dự phòng trong năm	42.234.944.234	-
Hoàn nhập	-	(729.746.635)
Số dư cuối năm	54.115.017.028	11.880.072.794

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	4.622.001.128.110	2.609.442.240.384
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	8.808.406.753	9.338.901.688
	4.630.809.534.863	2.618.781.142.072

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	4.223.779.810.981	-
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 3	833.367.237	833.367.237
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	12.500.527.777	9.243.500.000
Lãi tiền gửi phải thu	18.665.523.615	27.095.156.340
Cổ tức phải thu	-	71.779.948.000
Phải thu khác	104.781.944.616	32.464.967.538
	4.360.561.174.226	141.416.939.115

(*) Trong số dư này có 3.890.576.415.008 VND do Tổng Công ty đã đầu tư cho dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4. Dự án này đã được chuyển về cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong năm (thuyết minh 28).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	125.409.722.156	-
Nguyên vật liệu	2.391.646.877.016	1.582.396.554.349
Công cụ và dụng cụ	12.564.093.104	4.576.004.289
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.918.337.376	155.219.458.327
Thành phẩm	160.838.203	392.843.601
Hàng hóa	49.456.765	286.415.106
	2.546.749.324.620	1.742.871.275.672

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh dự phòng giảm giá nguyên vật liệu và có biến động trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	16.667.200.618	7.533.234.609
Tăng dự phòng trong năm	98.226.929	9.575.755.255
Hoàn nhập	(5.480.871.872)	(441.789.246)
	11.284.555.675	16.667.200.618

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	8.025.009.510.668	38.188.710.847.300	3.542.442.621.353	76.569.912.209	4.713.434.175	49.837.446.325.705
Tăng trong năm	2.856.580.336	35.038.504.530	12.739.614.998	5.977.201.355	1.467.048.700	58.078.949.919
Cải tạo và sửa chữa	-	-	-	15.584.489.972	-	15.584.489.972
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.110.645.131.778	43.248.262.587.895	2.840.646.286.146	1.647.689.778	-	57.201.201.695.597
Nhận từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.618.309.720	850.486.250.036	7.855.912.935	4.202.741.356	35.714.285	878.198.928.332
Điều chuyển nội bộ	(13.673.320.283)	-	13.673.320.283	-	-	-
Phân loại lại	(1.090.488.847.760)	816.055.726.491	289.226.853.467	(589.929.495)	-	14.203.802.703
Thanh lý	(3.862.656.000)	(352.645.956)	(2.139.915.657)	-	-	(6.355.217.613)
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(15.974.019.254)	(85.243.382.294)	(8.473.688.275)	(475.607.038)	(38.460.000)	(110.205.156.861)
Giảm do quyết toán	(2.833.652.072)	-	(2.337.801.889)	(291.940.339)	-	(5.463.394.300)
Số dư cuối năm	18.027.297.037.133	83.052.957.888.002	6.693.633.203.361	102.624.557.798	6.177.737.160	107.882.690.423.454
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.105.722.849.309	30.789.133.744.177	1.623.397.967.855	44.435.511.125	690.944.270	36.563.381.016.736
Khấu hao trong năm	542.875.769.339	3.421.928.765.951	314.680.344.186	15.941.501.348	476.618.419	4.295.902.999.243
Nhận từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.310.834.926	836.752.850.652	7.244.671.211	2.429.219.104	35.714.285	861.773.290.178
Phân loại lại	(6.732.289.197)	1.074.089.974	5.610.703.043	47.496.180	-	-
Thanh lý	(3.037.009.818)	(321.340.430)	(2.037.058.705)	-	-	(5.395.408.953)
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(5.406.022.025)	(81.081.864.977)	(5.554.307.154)	(417.611.438)	(35.237.691)	(92.495.043.285)
Giảm do quyết toán	(3.210.949.862)	-	(2.337.801.889)	(291.940.339)	-	(5.840.692.090)
Số dư cuối năm	4.645.523.182.672	34.967.486.245.347	1.941.004.518.547	62.144.175.980	1.168.039.283	41.617.326.161.829
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.919.286.661.359	7.399.577.103.123	1.919.044.653.498	32.134.401.084	4.022.489.905	13.274.065.308.969
Số dư cuối năm	13.381.773.854.461	48.085.471.642.655	4.752.628.684.814	40.480.381.818	5.009.697.877	66.265.364.261.625

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.364.690.088.014 VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 1.697.209.139.741 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Một số tài sản cố định hữu hình được dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng được trình bày tại thuyết minh 16.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	67.463.477.322	2.741.435.058	3.770.891.148	73.975.803.528
Tăng trong năm	-	39.550.875	-	39.550.875
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	9.090.483.494	-	9.090.483.494
Số dư cuối năm	67.463.477.322	11.871.469.427	3.770.891.148	83.105.837.897
Khấu hao trong năm				
Số dư đầu năm	7.150.009.855	1.386.497.102	2.684.480.765	11.220.987.722
Khấu hao trong năm	984.269.873	718.907.669	408.226.920	2.111.404.462
Số dư cuối năm	8.134.279.728	2.105.404.771	3.092.707.685	13.332.392.184
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	60.313.467.467	1.354.937.956	1.086.410.383	62.754.815.806
Số dư cuối năm	59.329.197.594	9.766.064.656	678.183.463	69.773.445.713

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 8.015.608.652 VND (1/1/2015: 3.011.117.583 VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 606.628.866 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 606.628.866 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	56.899.257.645.196	41.101.445.817.217
Tăng trong năm	3.756.998.112.340	30.376.204.260.389
Chi phí lãi vay vốn hóa	678.364.588.158	2.004.203.192.817
Tăng từ nhận bàn giao công ty con	219.501.921	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(57.201.201.695.597)	(2.435.242.799.974)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(9.090.483.494)	-
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(1.120.338.504.035)	(13.767.322.259.129)
Giảm khác	(370.277.002.393)	(380.030.566.124)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.633.932.162.096	56.899.257.645.196

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương	1.023.884.297.980	27.580.942.083.512
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	925.047.930.443	24.575.165.834.062
Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	412.469.077.282	296.350.737.496
Cảng than Vĩnh Tân	259.888.105.390	3.660.614.342.492
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	-	781.915.719.273
Khác	12.642.751.001	4.268.928.361
	<hr/>	<hr/>
	2.633.932.162.096	56.899.257.645.196

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 678.365 triệu VND (2014: 2.004.203 triệu VND).

Các tài sản hình thành trong tương lai từ các công trình xây dựng cơ bản dở dang được dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng được trình bày tại thuyết minh 16.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	157.314.832.070	953.294.760
Các bên liên quan khác	6.609.615.082	2.976.985.733
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyên Khí Đông Nam Bộ	1.848.611.996.884	2.568.098.435.194
Công ty Shanghai Electric Group	1.519.970.146.668	2.503.142.877.099
Tập đoàn Xây dựng Hyundai E&C	1.314.517.829.383	2.057.490.987.315
Các nhà cung cấp khác	984.908.838.006	896.976.246.730
	<hr/>	<hr/>
	5.831.933.258.093	8.029.638.826.831
	<hr/>	<hr/>
Số có khả năng trả nợ	5.831.933.258.093	8.029.638.826.831
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Tăng từ nhận bàn giao một công ty con VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	103.775.837.984	287.765.949	928.921.527.446	(970.103.762.975)	18.755.324.816	81.636.693.220
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.101.530.238	217.207.318	53.109.297.065	(108.027.323.189)	42.111.011.155	45.511.722.587
Thuế nhà thầu	225.014.607	-	34.605.992.367	(27.282.776.183)	-	7.548.230.791
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	14.120.238.545	(14.120.238.545)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.469.221.638	-	15.569.761.121	(16.839.185.934)	1.108.129.748	2.307.926.573
Thuế tài nguyên	15.273.206.150	109.200	187.026.195.565	(181.814.042.179)	-	20.485.468.736
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	12.933.939.148	(12.890.474.022)	(43.465.126)	-
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	11.729.977.440	1.706.482	37.549.058.847	(42.444.402.769)	-	6.836.340.000
Các loại thuế khác	-	-	22.027.000	(22.027.000)	-	-
	191.574.788.057	506.788.949	1.283.858.037.104	(1.373.544.232.796)	61.931.000.593	164.326.381.907

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Tăng từ nhận bàn giao một công ty con VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thu trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.679.949.909	-	-	-	18.755.324.816	23.435.274.725
Thuế thu nhập doanh nghiệp	608.545	-	-	-	42.111.011.155	42.111.619.700
Thuế thu nhập cá nhân	1.199.309.105	330.664.668	-	-	1.108.129.748	2.638.103.521
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	253.092.076	-	-	(43.465.126)	209.626.950
	5.879.867.559	583.756.744	-	-	61.931.000.593	68.394.624.896

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	498.148.789.015	123.008.936.270
Các bên liên quan khác	19.443.867.919	10.582.688.799
Bên thứ ba		
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	151.562.350.386	217.174.574.817
Công ty Cổ phần Thủy điện Srêpôk 3	-	613.267.623.287
Phải trả khác	53.520.293.001	65.065.661.452
	<hr/>	<hr/>
	722.675.300.321	1.029.099.484.625
	<hr/>	<hr/>

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	400.000.000.000	-	(400.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	6.963.417.058.508	3.349.399.244.174	(6.973.442.228.571)	3.339.374.074.111
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	7.363.417.058.508	3.349.399.244.174	(7.373.442.228.571)	3.339.374.074.111
Số có khả năng trả nợ	<hr/>			<hr/>
	7.363.417.058.508			3.339.374.074.111

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Vay dài hạn	68.311.998.447.437	62.151.344.318.916
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.339.374.074.111)	(6.963.417.058.508)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	64.972.624.373.326	55.187.927.260.408
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay từ các tổ chức				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	143.294.202.256	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	599.000.000.000	599.000.000.000
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	2.548.769.979.856	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	374.000.000.000	374.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	2.190.781.573.344	-
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 4</i>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2029	2.338.883.568.274	2.134.864.479.902
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2029	1.167.134.660.567	891.221.087.771
<i>Dự án Cảng than Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	553.230.020.144	-
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	185.000.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	178.000.000.000	178.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	338.000.000.000	338.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	185.000.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	202.000.000.000	202.000.000.000
<i>Dự án lắp kháng điện khu vực phía Nam để giảm dòng ngắn mạch</i>				
Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	VND	2017	50.000.000.000	50.000.000.000

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	470.921.021.851	457.042.891.878
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	17.231.947.165.625	16.183.665.844.538
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	10.955.373.163.664	7.664.165.713.170
Vay trái phiếu	VND	2015	-	150.000.000.000
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	6.186.010.169.010	5.867.652.946.470
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2026	2.026.195.834.393	2.046.269.653.180
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	8.957.320.563.579	7.068.466.839.401
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	2015	-	2.698.714.818.041
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	2015	-	2.199.629.474.880
Vay trái phiếu	VND	2015	-	31.941.066.865
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	108.894.686.576	111.231.238.167
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	78.451.727.103	79.333.713.873
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2016	112.562.875.656	213.539.865.264
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	2018	540.518.838.667	804.841.313.023
Vay trái phiếu	VND	2015	-	100.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	178.072.813.166	202.690.155.167
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	194.793.045.965	250.394.167.823
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2017	117.397.948.942	195.663.248.236
Vay trái phiếu	VND	2016	100.000.000.000	290.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	378.461.884.374	430.781.637.334
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	774.791.627.761	996.160.653.761
Vay trái phiếu	VND	2015	-	25.000.000.000

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	5.278.533.404.202	5.337.876.864.952
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	2015	-	184.968.819.854
Ngân hàng Thế Giới	USD	2015	-	67.567.221.483
Vay trái phiếu	VND	2015	-	1.124.524.127
<i>Dự án Cảng than Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	575.759.847.932	546.128.906.335
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	2.416.549.105.388	1.983.870.344.450
Ngân hàng phát triển Việt Nam	VND	2015	-	553.230.020.144
Vay trái phiếu	VND	2015	-	745.597.036
<i>Dự án Đuôi hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa</i>				
Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu	KRW	2028	576.348.719.142	611.431.445.573
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Vay trái phiếu	VND	2015	-	30.129.766.218
			68.311.998.447.437	62.151.344.318.916

Toàn bộ tài sản hình thành từ các dự án trên được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tương ứng.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay USD từ 0,45% đến 6,9%.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay VND từ 6,7% đến 10,5%.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay JPY từ 1,66% đến 2,5%.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay CNY là 3,2%.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay KRW là 2,4%.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	12.400.642.458.755	6.014.917.945	10.047.959.908	(514.824.732.641)	131.257.556.522	8.910.405.380	530.880.574.526	204.576.931.617	296.464.525.961	13.073.970.597.973
Tăng vốn trong năm	721.596.120	-	-	-	-	-	-	-	-	721.596.120
Chuyển về Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Điện lực Việt Nam	(1.913.708.180.829)	-	-	9.328.629.723	-	-	(4.542.544.190)	(200.201.000.000)	-	(2.109.123.095.296)
Chuyển lợi nhuận về	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tập đoàn Điện lực	-	-	-	-	-	-	(70.451.992.374)	-	-	(70.451.992.374)
Việt Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kết chuyển nguồn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
hình thành tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
cố định	-	-	-	-	(1.883.886.752)	-	-	-	-	(1.883.886.752)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(305.446.494.337)	-	-	-	-	-	(305.446.494.337)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	471.589.714.475	-	47.679.030.490	519.268.744.965
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(17.457.063.172)	(17.457.063.172)
Trích quỹ thuộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	65.639.476.008	2.419.938.094	(137.247.499.140)	-	(1.928.974.300)	(71.117.059.338)
Phân loại lại	-	-	-	-	(106.217.495.985)	-	-	106.217.495.985	-	-
Tăng/(giảm) khác	-	-	1.883.886.752	-	(4.515.700.390)	(208.075.925)	5.497.296.608	-	646.860.363	3.304.267.408
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	10.487.655.874.046	6.014.917.945	11.931.846.660	(810.942.597.255)	84.279.949.403	11.122.267.549	795.725.549.905	110.593.427.602	325.404.379.342	11.021.785.615.197

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	10.487.655.874.046	6.014.917.945	11.931.846.660	(810.942.597.255)	84.279.949.403	11.122.267.549	795.725.549.905	110.593.427.602	325.404.379.342	11.021.785.615.197
Nhận bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên (i)	96.728.456.859	-	1.566.487.558	-	16.178.490.841	-	-	1.705.055.583	-	116.178.490.841
Tăng vốn trong năm	1.271.458.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1.271.458.000
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(25.900.004.049)	-	-	(25.181.627.228)	-	-	-	-	-	(51.081.631.277)
Chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	-	-	-	-	(2.659.523.292)	-	-	(2.659.523.292)
Phân loại lại quỹ Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	1.705.055.583	-	-	-	(1.142.186.802)	-	-	2.286.886.748	-	2.849.755.529
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	54.128.578.585	5.032.203.784	(62.010.537.898)	-	-	(2.849.755.529)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(98.926.848.113)	-	(5.435.341.350)	(104.362.189.463)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	161.830.334.135	-	41.729.984.590	203.560.318.725
Điều chuyển nguồn vốn	-	-	652.948.284	-	(652.948.284)	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(2.480.352.971.176)	-	-	-	-	-	(2.480.352.971.176)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(847.100.641)	-	(22.839.890.601)	(22.839.890.601)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(228.232.369)	(78.455.512)	-	(78.455.512)	(1.153.788.522)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	10.561.460.840.439	6.014.917.945	14.151.282.502	(3.316.477.195.659)	152.791.883.743	15.926.238.964	793.111.874.096	114.585.369.933	338.780.676.469	8.680.345.888.432

(i) Tổng Công ty nhận bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên theo quyết định số 223/QĐ-EVN của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt của Tổng Công ty được góp đầy đủ bởi Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Biến động vốn pháp định đã góp trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.487.655.874.046	12.400.642.458.755
Tăng vốn trong năm	1.271.458.000	721.596.120
Nhận bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên	96.728.456.859	-
Bàn giao về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(25.900.004.049)	(1.913.708.180.829)
Phân loại lại quỹ	1.705.055.583	-
Số dư cuối năm	10.561.460.840.439	10.487.655.874.046

Công ty mẹ trực tiếp và cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

19. Phân phối lợi nhuận

Theo quy định tại điều 29 Nghị định 82/2014/NĐ-CP của chính phủ, số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ sẽ được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hoặc nộp Ngân sách Nhà nước. Trong năm 2015 Tổng Công ty đã chuyển lợi nhuận còn lại của năm 2014 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo công văn số 4716/EVN-TCKT ngày 10/11/2015 về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2014 với số tiền 2.660 triệu đồng (năm 2014 đã chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Điện lực Việt Nam với số tiền 70.452 triệu đồng).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.965.683.038	5.965.683.038
Trong vòng hai đến năm năm	23.862.732.152	23.862.732.152
Sau năm năm	205.405.497.779	211.371.180.817
	235.233.912.969	241.199.596.007

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012 và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013.

(b) Ngoại tệ

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	38.292,9	859.689.573	47.502,09	1.014.621.533

(c) Cam kết đầu tư

Tại ngày 31/12/2015, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Nhóm Công ty sẽ đầu tư 8.186.719 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác (1/1/2015: 18.737.025 triệu VND).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu tiêu thụ điện	28.085.275.090.829	26.590.650.368.426
▪ Doanh thu bán sản phẩm khác	27.423.019.741	13.813.447.707
▪ Dịch vụ khác	54.510.376.599	42.935.433.732
	<hr/>	<hr/>
	28.167.208.487.169	26.647.399.249.865
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(69.300.000)	-
	<hr/>	<hr/>
	28.167.139.187.169	26.647.399.249.865
	<hr/>	<hr/>

22. Giá vốn hàng bán

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn tiêu thụ điện	25.530.079.179.816	24.491.389.489.749
Giá vốn sản phẩm khác	26.640.290.207	12.429.859.989
Giá vốn dịch vụ khác	31.563.800.138	36.928.143.027
	<hr/>	<hr/>
	25.588.283.270.161	24.540.747.492.765
	<hr/>	<hr/>

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	83.131.053.207	100.148.044.714
Cổ tức được chia	22.292.500.000	27.200.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	6.216.158.112	14.571.106.537
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	84.962.957.212	796.055.088.219
	<hr/>	<hr/>
	196.602.668.531	937.974.739.470
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.724.951.889.487	1.167.029.199.623
Lỗi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	72.252.640.208	31.977.564.763
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	537.198.637.730	1.221.510.849.080
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	42.234.944.234	(729.746.635)
Chi phí khác	965.460	-
	<hr/>	<hr/>
	2.376.639.077.119	2.419.787.866.831
	<hr/>	<hr/>

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	147.395.629.493	138.752.419.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.807.910.288	15.051.995.481
Chi phí khác	100.466.107.315	79.362.786.428
	<hr/>	<hr/>
	265.669.647.096	233.167.201.120
	<hr/>	<hr/>

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.333.074.498.194	18.968.488.149.267
Chi phí nhân công	552.731.309.969	443.320.826.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.262.012.035.373	3.338.797.600.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	258.489.300.280	50.819.451.430
Chi phí sửa chữa lớn	1.049.425.738.513	1.482.584.085.431
Chi phí khác	398.977.526.254	490.513.532.545
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	53.065.487.065	84.449.711.869
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	100.546.305
	53.065.487.065	84.550.258.174
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(9.987.734.000)	-
	43.077.753.065	84.550.258.174

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	246.638.071.790	603.819.003.139
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	54.260.375.794	132.840.180.691
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(33.840.785.688)	(49.615.513.166)
Ảnh hưởng của các lãi suất khác nhau	926.725.615	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.476.447.192	1.225.044.344
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	100.546.305
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	19.254.990.152	-
	43.077.753.065	84.550.258.174

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế trong năm 2014 và 2015, và sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

Tại ngày 1 tháng 5 năm 2015, Tổng Công ty đã chuyển Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý bằng việc làm giảm đi xây dựng cơ bản dở dang và khoản trả trước cho người bán tương ứng giảm vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Tổng Công ty là 6.896.370.403 VND và tăng phải thu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 3.890.576.415.008 VND (thuyết minh 8).

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã tách số liệu tài sản, vốn của Ban Quản lý Dự án Thủy điện 5 theo Công văn số 1483B/EVN-TCKT ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bằng việc giảm nguyên giá, khấu hao lũy kế của tài sản cố định và các khoản phải thu tương ứng giảm nợ phải trả và nguồn vốn.

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã nhận quản lý Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên, theo quyết định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, là một công ty con.

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 3.107.021.688.118 VND (2014: 3.127.206.914.604 VND) là số tiền mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm và 24.288.146.499 VND (năm 2014: 385.945.140.244 VND) là chi phí lãi vay đã vốn hóa vào công trình xây dựng cơ bản dở dang chưa được thanh toán.

29. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Nhóm Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Nhóm Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Chủ tịch Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Nhóm Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Nhóm Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Nhóm Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2105 VND	1/1/2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	1.155.821.280.872	2.259.925.996.283
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	854.000.000.000	1.059.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	8.990.828.436.487	2.760.210.081.187
		<hr/>	<hr/>
		11.000.649.717.359	6.079.136.077.470

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phải thu của khách hàng và phải thu khác

Phải thu của khách hàng và phải thu khác của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu từ đầu tư dự án cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Phải thu của khách hàng và phải thu từ đầu tư dự án cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Tổng Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Nhóm Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng của Nhóm Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Nhóm Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng.

Nhóm Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho phải thu của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng dự phòng trong năm	198.910.438	-
Tăng từ nhận bàn giao một công ty con	355.362.164	-
Số dư cuối năm	<u>554.272.602</u>	<u>-</u>

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được không bao gồm khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán	5.831.933.258.093	5.831.933.258.093	5.831.933.258.093	-	-
Phải trả người lao động	217.374.292.315	217.374.292.315	217.374.292.315	-	-
Chi phí phải trả	67.690.531.208	67.690.531.208	67.690.531.208	-	-
Phải trả khác	722.675.300.321	722.675.300.321	722.675.300.321	-	-
Vay ngắn hạn	3.339.374.074.111	3.339.374.074.111	3.339.374.074.111	-	-
Vay dài hạn	64.972.624.373.326	64.972.624.373.326	-	21.026.365.758.312	43.946.258.615.014
	75.151.671.829.374	75.151.671.829.374	10.179.047.456.048	21.026.365.758.312	43.946.258.615.014
Ngày 1 tháng 1 năm 2015					
Phải trả người bán	8.029.638.826.831	8.029.638.826.831	8.029.638.826.831	-	-
Phải trả người lao động	193.922.387.301	193.922.387.301	193.922.387.301	-	-
Chi phí phải trả	50.418.897.483	50.418.897.483	50.418.897.483	-	-
Phải trả khác	1.029.099.484.625	1.029.099.484.625	1.029.099.484.625	-	-
Vay ngắn hạn	7.363.417.058.508	7.363.417.058.508	7.363.417.058.508	-	-
Vay dài hạn	55.187.927.260.408	55.187.927.260.408	-	16.742.180.418.681	38.445.746.841.727
	71.854.423.915.156	71.854.423.915.156	16.666.496.654.748	16.742.180.418.681	38.445.746.841.727

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Nhóm Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty, là Việt Nam đồng (“VND”). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”), Yên Nhật (“JPY”), Nhân dân tệ (“CNY”), Won (“KRW”), Đồng Euro (“EUR”) và Franc Thụy Sĩ (“CHF”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	JPY	31/12/2015 CNY	KRW	EUR	CHF
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.293	-	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	(218.242.187)	(309.558.247)	(5.722.766)	(83.963.393)	(455.727)	(372.510)
Vay ngắn hạn và dài hạn	(2.105.722.210)	(29.095.495.677)	(599.934.811)	(32.485.836.581)	-	-
	(2.323.926.104)	(29.405.053.924)	(605.657.577)	(32.569.799.974)	(455.727)	(372.510)

	USD	JPY	1/1/2015 CNY	KRW	EUR	CHF
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.502	-	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	(240.119.716)	(197.937.987)	(5.722.766)	(83.380.314)	-	(20.782)
Vay ngắn hạn và dài hạn	(2.016.135.569)	(31.429.458.880)	(599.934.811)	(32.485.836.581)	-	-
	(2.256.207.783)	(31.627.396.867)	(605.657.577)	(32.569.216.895)	-	(20.782)

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
1 USD	22.540,00	21.380,00
1 JPY	187,86	175,90
1 CNY	3.377,36	3.410,82
1 KRW	19,22	17,75
1 EUR	24.730,00	25.542,36
1 CHF	22.880,00	21.499,00

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận trước thuế VND
31/12/2015	
USD (mạnh thêm 5%)	(2.619.064.890.997)
JPY (mạnh thêm 7%)	(386.682.118.900)
CNY (yếu đi 1%)	20.455.236.096
KRW (yếu đi 1%)	46.236.999.644
EUR (yếu đi 3%)	337.549.096
CHF (mạnh thêm 6%)	(510.224.244)
<hr/>	
	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận trước thuế VND
1/1/2015	
USD (mạnh thêm 1%)	(482.403.904.107)
JPY (mạnh thêm 1%)	(55.632.591.090)
CNY (mạnh thêm 1%)	(20.657.889.792)
KRW (mạnh thêm 1%)	(5.782.328.394)
CHF (mạnh thêm 1%)	(3.916.748)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	585.000.000.000	235.000.000.000
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	854.000.000.000	1.059.000.000.000
▪ Vay ngắn hạn và dài hạn	(15.108.267.201.524)	(15.584.091.919.300)
	(13.669.267.201.524)	(14.290.091.919.300)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	570.821.280.872	2.024.925.996.283
▪ Vay ngắn hạn và dài hạn	(53.203.731.245.913)	(46.967.252.399.616)
	(52.632.909.965.041)	(44.942.326.403.333)

Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 368.256.072.922 VND lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty (2014: 79.430.859.048 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

(i) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	1.157.335.414.262	2.260.941.508.757
▪ Phải thu của khách hàng và phải thu khác (*)	8.990.828.436.487	2.760.210.081.187
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	854.000.000.000	1.059.000.000.000
	11.002.163.850.749	6.080.151.589.944
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Phải trả người bán (*)	(5.831.933.258.093)	(8.029.638.826.831)
▪ Phải trả người lao động (*)	(217.374.292.315)	(193.922.387.301)
▪ Chi phí phải trả (*)	(67.690.531.208)	(50.418.897.483)
▪ Phải trả khác (*)	(722.675.300.321)	(1.029.099.484.625)
▪ Vay ngắn hạn (*)	(3.339.374.074.111)	(7.363.417.058.508)
▪ Vay dài hạn (*)	(64.972.624.373.326)	(55.187.927.260.408)
	(75.151.671.829.374)	(71.854.423.915.156)

(ii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015	2014
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Phân phối lợi nhuận	2.659.523.292	70.451.992.374
Mua điện	240.902.178.000	126.708.801.946
Lãi vay	1.449.090.291.740	3.084.129.688.727
Vay trong năm	4.388.588.567.669	22.867.232.159.952
Thanh toán vay trong năm	2.517.935.126.477	3.204.395.996.594
Công ty Mua bán Điện		
Bán điện và cung cấp dịch vụ	29.110.481.291.492	26.590.179.208.930
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc		
Mua điện	25.874.441.559	-
Công ty Lưới điện cao thế Miền Bắc		
Mua điện	1.936.896.124	-
Tổng Công ty Truyền tải Điện		
Lãi vay	3.185.090.556	3.701.423.055
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình		
Bán điện và cung cấp dịch vụ	-	996.768.229
Trung tâm Thí nghiệm Điện – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Mua dịch vụ	958.444.796	1.608.067.591
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Lãi tiền gửi	29.378.222.222	31.397.388.889
Công ty TNHH Thí Nghiệm điện miền Bắc		
Mua dịch vụ	661.784.504	1.421.953.542
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Mua dịch vụ	32.353.298.347	100.870.163.910
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Mua dịch vụ	547.735.561	9.794.839.671
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Mua dịch vụ	493.220.827	3.491.306.897
Trung tâm Công nghệ thông tin		
Mua dịch vụ	1.235.469.665	2.030.929.461

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Viên chức quản lý		
Tiền lương và thưởng	8.623.454.000	6.649.441.000

31. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3, Nhóm Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 200 và Thông tư 202 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Do đó, việc trình bày một số diễn giải trong báo cáo tài chính hợp nhất có sự thay đổi. Một số số liệu so sánh cụ thể tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với các yêu cầu của Thông tư 200 và Thông tư 202 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	141.416.939.115	139.950.955.283
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.465.983.832
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.059.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	-	1.059.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	12.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	12.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	84.279.949.403	58.846.248.077
Quỹ dự phòng tài chính	-	25.433.701.326

Ngày 10 tháng 4 năm 2016

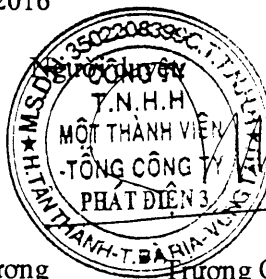
Người lập:



Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng



Trương Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc